

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Ia Pa, khóa V- Kỳ họp Thứ Bảy (chuyên đề).

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, giai đoạn I: Từ năm 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh giao Kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình MTQG;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình MTQG;

Căn cứ Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện 03 chương trình MTQG;

Thực hiện Văn bản số 2494/SKHĐT-QLN ngày 09/8/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai về việc hướng dẫn triển khai các chương trình mục tiêu.

UBND huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện Ia Pa, khóa V - Kỳ họp Thứ Bảy (chuyên đề) xem xét, cho ý kiến (đối với nguồn ngân sách trung ương) và quyết định (đối với nguồn ngân sách địa phương) về kế hoạch phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện 02 Chương trình MTQG trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG.

Căn cứ Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện 03 chương trình MTQG.

II. NGUYÊN TẮC BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 CHO CÁC ĐƠN VỊ VÀ UBND CÁC XÃ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG

Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh) năm 2022 thực hiện 03 chương trình MTQG tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công năm 2019; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; các Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư 03 chương trình MTQG giai đoạn 2021 – 2025, các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quyết định nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 và các Nghị quyết của HĐND tỉnh Gia Lai ban hành nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025. Theo đó:

1. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Tuân thủ nguyên tắc theo nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021; Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Ưu tiên phân bổ vốn đầu tư thực hiện các công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh; các khu thể thao, văn hóa phục vụ đời sống tinh thần cho nhân dân; các công trình giáo dục và đào tạo; công trình y tế; hệ thống nước sinh hoạt; công trình xử lý rác thải nhằm bảo vệ môi trường; hệ thống điện chiếu sáng phục vụ nhu cầu cho người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện.

- Phân bổ ngân sách tỉnh để thực hiện một số lĩnh vực sau: (i) Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; (ii) Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch đi đôi với xóa bỏ phong tục, tập quán lạc hậu, xây dựng huyện Ia Pa

giàu bản sắc văn hóa dân tộc; (iii) Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin.

- Phân bổ vốn cho các đơn vị và UBND các xã theo nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai.

2. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 25/2021/QH15; quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương thực hiện Chương trình tại Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Huyện giao tổng mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai năm 2022 thực hiện các chương trình MTQG cho các đơn vị và UBND các xã đảm bảo theo tổng mức vốn được giao theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh Gia Lai.

4. Các cơ quan theo dõi, quản lý các chương trình MTQG, UBND các xã, chịu trách nhiệm toàn diện trước Huyện ủy, HĐND huyện, UBND huyện, các cơ quan thanh tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về thông tin, số liệu, mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng, nội dung triển khai trong kế hoạch vốn thực hiện các chương trình MTQG năm 2022 đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

III. NỘI DUNG TRÌNH DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 CHO CÁC ĐƠN VỊ VÀ UBND CÁC XÃ THỰC HIỆN 02 CHƯƠNG TRÌNH MTQG

1. Ngân sách trung ương

Tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giao thực hiện 02 chương trình tại Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh Gia Lai là: 36.918 triệu đồng, trong đó:

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là: 18.778 triệu đồng.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là: 18.140 triệu đồng.

2. Ngân sách tỉnh

Tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách tỉnh giao thực hiện 02 chương trình tại Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh Gia Lai là 5.104 triệu đồng, trong đó:

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là: 5.104 triệu đồng.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là: 0 đồng.

3. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 02 Chương trình MTQG giai năm 2022 trên địa bàn huyện đảm bảo đúng theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn do Trung ương và HĐND tỉnh quy định, cụ thể như sau:

Tổng kế hoạch vốn 02 Chương trình MTQG năm 2022 là: 42.022 triệu đồng; Trong đó: Ngân sách trung ương: 36.918 triệu đồng; ngân sách tỉnh: 5.104 triệu đồng; cụ thể:

a) Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 23.882 triệu đồng.

- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: 3.630 triệu đồng.

- Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: 10.840 triệu đồng.

- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc: 7.959 triệu đồng.

- Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch: 1.053 triệu đồng.

- Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN; kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình: 400 triệu đồng.

b) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022 (gồm năm 2021 chuyển sang): 18.140 triệu đồng. Cụ thể:

- Xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (02 xã): 1.340 triệu đồng.

- Xã đạt 15-18 tiêu chí (01 xã): 2.032 triệu đồng.

- Xã đạt dưới 15 tiêu chí (02 xã): 5.333 triệu đồng.

- Xã đặc biệt khó khăn: (04 xã): 9.434 triệu đồng.

(Có phụ lục 01, 02, 03, 04, 05, 06 phân bổ kế hoạch vốn kèm theo).

Ủy ban nhân dân huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện Ia Pa, khóa V-Kỳ họp Thứ Bảy (chuyên đề) xem xét, quyết định./

Nơi nhận:

- Như trên;
- L/đ UBND huyện;
- Ban KT-XH HĐND huyện;
- Các Phòng: TCKH, NN&PTNT, DT;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Văn Trường

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN 02 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số 123 /TTr-UBND ngày 06 / 9 /2022 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung/địa bàn, đơn vị	TỔNG KẾ HOẠCH VỐN 02 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA			CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI			CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI				Ghi chú
		Kế hoạch vốn năm 2022	Trong đó:		Kế hoạch vốn năm 2022	Trong đó:		Tổng cộng năm 2022 (Ngân sách Trung ương)	Năm 2021 (chuyển sang năm 2022)	Trong đó:		
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh			Năm 2022	Ngân sách tỉnh	
1	2	3=6+9	4	5	6=7+8	7	8	9=10+11+12	10	11	12	
	TỔNG SỐ	42.022	36.918	5.104	23.882	18.778	5.104	18.140	12.186	5.954	-	
a	Các đơn vị cấp huyện	11.528	7.678	3.850	11.528	7.678	3.850	-	-	-	-	
01	Ban QLDA ĐTXD huyện	10.840	7.070	3.770	10.840	7.070	3.770	-				
02	Phòng Văn hoá-Thông tin	400	400	-	400	400	-	-				
03	Trung Tâm Văn hoá -Thông tin và Thể thao	288	208	80	288	208	80					
b	UBND các xã	30.494	29.240	1.254	12.354	11.100	1.254	18.140	12.186	5.954	-	-
01	Pờ Tó	4.441	4.207	233	2.082	1.849	233	2.359	2.359	-		
02	Chư Răng	4.147	4.026	121	1.788	1.667	121	2.359	2.359	-		
03	Kim Tân	2.912	2.783	129	880	751	129	2.032	786	1.246		
04	Ia Mron	1.128	978	150	458	308	150	670	393	277		
05	Ia Trok	4.045	3.907	138	1.378	1.240	138	2.667	590	2.077		
06	Ia Broãi	4.401	4.280	121	2.042	1.921	121	2.359	2.359	-		
07	Ia Tul	847	783	65	177	112	65	670	393	277		
08	Chư Mố	4.356	4.183	173	1.689	1.516	173	2.667	590	2.077		
09	Ia Kdăm	4.219	4.094	125	1.860	1.735	125	2.359	2.359	-		

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022 (GỒM NĂM 2021 CHUYỂN SANG)

(Kèm theo Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 06 / 9 /2022 của UBND huyện)

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung/địa bàn, đơn vị	Tổng số vốn năm 2022 (gồm năm 2021 chuyển sang) Ngân sách Trung ương	Năm 2022		Ghi chú
			Vốn năm 2021 (chuyển sang năm 2022)	Vốn năm 2022	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1=2+3</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
	Huyện Ia Pa	18.140	12.186	5.954	
I	Xã đạt chuẩn nông thôn mới	1.340	786	554	
1	Ia Mron	670	393	277	
2	Ia Tul	670	393	277	
II	Xã đạt 15-18 tiêu chí	2.032	786	1.246	
3	Kim Tân	2.032	786	1.246	
III	Xã đạt dưới 15 tiêu chí	5.333	1.179	4.154	
4	Ia Trok	2.667	590	2.077	
5	Chư Mố	2.667	590	2.077	
IV	Xã ĐBK	9.434	9.434	0	
6	Chư Răng	2.359	2.359		
7	Pờ Tó	2.359	2.359		
8	Ia Broãi	2.359	2.359		
9	Ia Kdăm	2.359	2.359		
TỔNG CỘNG		18.140	12.186	5.954	

Bằng chữ: Mười tám tỷ một trăm bốn mươi triệu đồng.

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2022**

(Kèm theo Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 06/9/2022 của UBND huyện)

STT	Nội dung/địa bàn, đơn vị	Tổng kinh phí thực hiện Chương trình năm 2022			Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết			Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch			Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình			
											Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN					Tiểu Dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng DTTS&MN			
		Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:	
			NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP
		1=2+3	2=5+8+11+14+17	3=6+9+12+15+18	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=14+15	14	15	16=17+18	17	18
	Tổng cộng	23.882	18.778	5.104	3.630	2.590	1.040	10.840	7.070	3.770	7.959	7.959	-	1.053	759	294	400	400	-
a	Các đơn vị cấp huyện	11.528	7.678	3.850	0	0	0	10.840	7.070	3.770	0	0	0	288	208	80	400	400	-
01	Ban QLDA ĐTXD huyện	10.840	7.070	3.770				10.840	7.070	3.770									
02	Phòng Văn hoá và Thông tin	400	400	0				-											
03	Trung Tâm Văn hoá -Thông tin và Thể thao	288	208	80										288	208	80			
b	UBND các xã	12.354	11.100	1.254	3.630	2.590	1.040	-	-	-	7.959	7.959	-	765	551	214			
01	Pờ Tô	2.082	1.849	233	484	280	204				1493	1.493		105	76	29			
02	Chư Răng	1.788	1.667	121	220	120	100				1493	1.493		75	54	21			
03	Kim Tân	880	751	129	308	200	108				497	497		75	54	21			
04	Ia Mron	458	308	150	308	200	108				-	-		150	108	42			
05	Ia Trok	1.378	1.240	138	264	160	104				994	994		120	86	34			
06	Ia Broái	2.042	1.921	121	489	385	104				1493	1.493		60	43	17			
07	Ia Tul	177	112	65	132	80	52				-	-		45	32	13			
08	Chư Mố	1.689	1.516	173	1.117	965	152				497	497		75	54	21			
09	Ia Kdăm	1.860	1.735	125	308	200	108				1492	1.492		60	43	17			

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS& MN NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN**
(Kèm theo Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 06 / 9 /2022 của UBND huyện)

Phụ lục 04

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung/địa bàn, đơn vị	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt																					
		Tổng số hộ	Tổng vốn	Trong đó		1. Hộ được hỗ trợ đất ở (40 trđ/hộ)		2.Hộ được hỗ trợ nhà ở (NSTW40 trđ/hộ, NSDP 4trđ/hộ)				3.Hộ được hỗ trợ đất sản xuất (22,5 trđ/hộ)		4. Công trình nước sinh hoạt tập trung (TB 3000 trđ/công trình)		1. Hộ được hỗ trợ đất ở (44 trđ/hộ)		2.Hộ được hỗ trợ nhà ở (44trđ/hộ)		3.Hộ được hỗ trợ đất sản xuất (22,5 trđ/hộ)		4. Công trình nước sinh hoạt tập trung (TB 3000 trđ/công trình)	
				NSTW	NSDP	Số lượng (hộ)	NSTW	Số lượng (hộ)	Tổng vốn	Trong đó		Số lượng (hộ)	NSTW	Số lượng (công trình)	NSTW	Số lượng (hộ)	NSDP	Số lượng (hộ)	NSDP	Số lượng (hộ)	NSDP	Số lượng (công trình)	NSDP
										NSTW	NSDP												
1	2	3=7+9+13+17+19+21	4=5+6	5=8+11+14+16	6=12+18+20+22+24	7	8=7*40trđ	9	10=11+12	11=9*40trđ	12=9*4trđ	13	14=11*22,5trđ	15	16=15*3.000trđ	17	18=17*44trđ	19	20=19*44trđ	21	22=21*22,5trđ	23	24
	Tổng cộng	104	3.630	2.590	1.040	-	-	40	1.760	1.600	160	44	990	-	-	-	-	20	880	-	-	-	-
01	Pờ Tó	11	484	280	204	-	-	7	308	280	28	-	-	-	-	-	-	4	176	-	-	-	-
02	Chư Răng	5	220	120	100	-	-	3	132	120	12	-	-	-	-	-	-	2	88	-	-	-	-
03	Kim Tân	7	308	200	108	-	-	5	220	200	20	-	-	-	-	-	-	2	88	-	-	-	-
04	Ia Mron	7	308	200	108	-	-	5	220	200	20	-	-	-	-	-	-	2	88	-	-	-	-
05	Ia Trok	6	264	160	104	-	-	4	176	160	16	-	-	-	-	-	-	2	88	-	-	-	-
06	Ia Broãi	16	489	385	104	-	-	4	176	160	16	10	225	-	-	-	-	2	88	-	-	-	-
07	Ia Tul	3	132	80	52	-	-	2	88	80	8	-	-	-	-	-	-	1	44	-	-	-	-
08	Chư Mố	42	1.117	965	152	-	-	5	220	200	20	34	765	-	-	-	-	3	132	-	-	-	-
09	Ia Kdăm	7	308	200	108	-	-	5	220	200	20	-	-	-	-	-	-	2	88	-	-	-	-
Ghi chú:																							

Ghi chú:

1/Đối với các hộ được hỗ trợ nhà ở định mức hỗ trợ 44 triệu đồng/hộ: Tuy nhiên theo bảng phân bổ này vốn ngân sách Trung ương chỉ phân bổ 40 triệu đồng/hộ: cụ thể (40 hộ X 40 triệu đồng/hộ = 1.600 triệu đồng) + (vốn ngân sách địa phương hỗ trợ 40 hộ X 4 triệu đồng/hộ = 160 triệu đồng); Vốn ngân sách địa phương hỗ trợ 20 hộ X 44 triệu đồng/hộ = 880 triệu đồng; Tổng ngân sách địa phương phân bổ: 160 triệu đồng + 880 triệu đồng = 1.040 triệu đồng; Vay vốn từ Ngân hàng chính sách xã hội không vượt quá 40 triệu đồng/hộ, thời hạn vay tối đa là 15 năm, lãi suất cho vay bằng 3%/năm).

2/Hộ được hỗ trợ đất sản xuất, thực hiện theo hình thức hộ tự liên hệ mua đất sản xuất từ người thân hoặc trong cộng đồng, với định mức (vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ 22,5 triệu đồng/hộ; vay vốn từ Ngân hàng chính sách xã hội thỏa thuận nhưng không vượt quá 77,5 triệu đồng/hộ, thời hạn vay tối đa là 10 năm, lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ)

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS& MN NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN**

(Kèm theo Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 06/ 9/2022 của UBND huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung/địa bàn, đơn vị	Tổng cộng dự án			Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết (Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư xã Pờ Tó)			Dự án 4, Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng ĐB DTTS và MN			Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch (1)			Dự án 10, Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế- xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng ĐB DTTS&MN			Ghi chú
		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		
		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		
1	2	3=4+5	4=7+10+13+16	5=8+11+14+17	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11	12=13+14	13	14	15=16+17	16	17	
	Tổng cộng I+II	20.252	16.188	4.064	10.840	7.070	3.770	7.959	7.959	-	1.053	759	294	400	400	-	
I	Các đơn vị cấp huyện	11.528	7.678	3.850	10.840	7.070	3.770	-	-	-	288	208	80	400	400	-	
01	Ban QLDA ĐT XD huyện	10.840	7.070	3.770	10.840	7.070	3.770	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
02	Phòng Văn hóa và Thông tin	400	400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	400	400	-	
03	Trung Tâm Văn hoá -Thông tin và thể thao	288	208	80							288	208	80				Thực hiện tiêu chí 2
II	UBND các xã	8.724	8.510	214	-	-	-	7.959	7.959	-	765	551	214	-	-	-	
01	Pờ Tó	1.598	1.569	29	-	-	-	1.493	1.493	-	105	76	29	-	-	-	Tiêu chí 3
02	Chư Răng	1.568	1.547	21	-	-	-	1.493	1.493	-	75	54	21	-	-	-	Tiêu chí 3
03	Kim Tân	572	551	21	-	-	-	497	497	-	75	54	21	-	-	-	Tiêu chí 3
04	Ia Mron	150	108	42	-	-	-	-	-	-	150	108	42	-	-	-	Tiêu chí 3
05	Ia Trok	1.114	1.080	34	-	-	-	994	994	-	120	86	34	-	-	-	Tiêu chí 3
06	Ia Broãi	1.553	1.536	17	-	-	-	1.493	1.493	-	60	43	17	-	-	-	Tiêu chí 3
07	Ia Tul	45	32	13	-	-	-	-	-	-	45	32	13	-	-	-	Tiêu chí 3
08	Chư Mố	572	551	21	-	-	-	497	497	-	75	54	21	-	-	-	Tiêu chí 3
09	Ia Kdăm	1.552	1.535	17	-	-	-	1.492	1.492	-	60	43	17	-	-	-	Tiêu chí 3

Ghi chú:

-(1) Dự án 6: phân bổ chi tiết theo Phụ lục 06

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS& MN NĂM 2022**

(Kèm theo Tờ trình số 123 /TTr-UBND ngày 06 / 9 /2022 của UBND huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung/địa bàn, đơn vị	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch														
		Tổng cộng			1. Tiêu chí Hỗ trợ đầu tư xây dựng cho mỗi một điểm đến du lịch tiêu biểu 7đ			2. Tiêu chí Hỗ trợ đầu tư bảo tồn mỗi một thôn, làng truyền thống tiêu biểu của các DTTS 60đ			3. Tiêu chí Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN (2đ/thôn)			4. Tiêu chí Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các DTTS, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch (60đ/mô hình)		
		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó	
NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP			
Tổng cộng (I)+(II)		1.053	759	294	-	-	-	288	208	80	765	551	214	-	-	-
I	Đơn vị cấp huyện	288	208	80	-	-	-	288	208	80	-	-	-	-	-	-
	Trung Tâm Văn hóa- Thông tin và Thể thao	288	208	80				288	208	80						
II	UBND các xã	765	551	214	-	-	-	-	-	-	765	551	214	-	-	-
01	Pờ Tó	105	76	29	-			-			105	76	29	-		
02	Chư Răng	75	54	21	-			-			75	54	21	-		
03	Kim Tân	75	54	21	-			-			75	54	21	-		
04	Ia Mron	150	108	42	-			-			150	108	42	-		
05	Ia Trok	120	86	34	-			-			120	86	34	-		
06	Ia Broãi	60	43	17	-			-			60	43	17	-		
07	Ia Tul	45	32	13	-			-			45	32	13	-		
08	Chư Mố	75	54	21	-			-			75	54	21	-		
09	Ia Kdăm	60	43	17	-			-			60	43	17	-		

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN IA PA**

Số: /NQ-HĐND

DỰ THẢO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ia Pa, ngày tháng năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước
năm 2022 thực hiện 02 Chương trình mục tiêu quốc gia**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN IA PA
KHÓA V, KỲ HỌP THỨ BẢY (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, giai đoạn I: Từ năm 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh giao Kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình MTQG;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình MTQG;

Căn cứ Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện 03 chương trình MTQG;

Sau khi xem xét Tờ trình số 123/TTr-UBND, ngày 06/9/2022 của UBND huyện Ia Pa về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện 02 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện 02 chương trình MTQG, cụ thể như sau:

1. Ngân sách trung ương

Tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giao thực hiện 02 chương trình tại Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh Gia Lai là: 36.918 triệu đồng, trong đó:

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là: 18.778 triệu đồng.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là: 18.140 triệu đồng.

2. Ngân sách tỉnh

Tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách tỉnh giao thực hiện 02 chương trình tại Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh Gia Lai là 5.104 triệu đồng, trong đó:

Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là: 5.104 triệu đồng.

Điều 2. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện 02 Chương trình mục tiêu quốc gia, như sau:

Tổng kế hoạch vốn 02 Chương trình MTQG năm 2022 là: 42.022 triệu đồng; Trong đó: Ngân sách trung ương: 36.918 triệu đồng; ngân sách tỉnh: 5.104 triệu đồng; cụ thể:

a) Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 23.882 triệu đồng.

- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: 3.630 triệu đồng.

- Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: 10.840 triệu đồng.

- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc: 7.959 triệu đồng.

- Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch: 1.053 triệu đồng.

- Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN; kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình: 400 triệu đồng.

b) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022 (gồm năm 2021 chuyển sang): 18.140 triệu đồng. Cụ thể:

- Xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (02 xã): 1.340 triệu đồng.
- Xã đạt 15-18 tiêu chí (01 xã): 2.032 triệu đồng.
- Xã đạt dưới 15 tiêu chí (02 xã): 5.333 triệu đồng.
- Xã đặc biệt khó khăn: (04 xã): 9.434 triệu đồng.

(Có các phụ lục kèm theo)

Điều 3. Điều khoản thi hành

Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai Nghị quyết này.

Giao Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND và Đại biểu HĐND huyện theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa V, kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch -ĐT;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- UBND huyện; UBNDTTQ huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- VP. HĐND&UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể huyện;
- Các đơn vị Tỉnh, TW đứng chân trên địa bàn huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã;
- Trung tâm VH&TT&TT; Công TTĐT huyện (công bố);
- Lưu: VT.

(b/cáo)

Rah Lan H' Dry

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN 02 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung/địa bàn, đơn vị	TỔNG KẾ HOẠCH VỐN 02 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA			CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI			CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI				Ghi chú
		Kế hoạch vốn năm 2022	Trong đó:		Kế hoạch vốn năm 2022	Trong đó:		Tổng cộng năm 2022 (Ngân sách Trung ương)	Năm 2021 (chuyển sang năm 2022)	Trong đó:		
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh			Năm 2022	Ngân sách tỉnh	
1	2	3=6+9	4	5	6=7+8	7	8	9=10+11+12	10	11	12	
	TỔNG SỐ	42.022	36.918	5.104	23.882	18.778	5.104	18.140	12.186	5.954	-	
a	Các đơn vị cấp huyện	11.528	7.678	3.850	11.528	7.678	3.850	-	-	-	-	
01	Ban QLDA ĐTXD huyện	10.840	7.070	3.770	10.840	7.070	3.770	-				
02	Phòng Văn hoá-Thông tin	400	400	-	400	400	-	-				
03	Trung Tâm Văn hoá -Thông tin và Thể thao	288	208	80	288	208	80					
b	UBND các xã	30.494	29.240	1.254	12.354	11.100	1.254	18.140	12.186	5.954	-	-
01	Pờ Tó	4.441	4.207	233	2.082	1.849	233	2.359	2.359	-		
02	Chư Răng	4.147	4.026	121	1.788	1.667	121	2.359	2.359	-		
03	Kim Tân	2.912	2.783	129	880	751	129	2.032	786	1.246		
04	Ia Mron	1.128	978	150	458	308	150	670	393	277		
05	Ia Trok	4.045	3.907	138	1.378	1.240	138	2.667	590	2.077		
06	Ia Broãi	4.401	4.280	121	2.042	1.921	121	2.359	2.359	-		
07	Ia Tul	847	783	65	177	112	65	670	393	277		
08	Chư Mố	4.356	4.183	173	1.689	1.516	173	2.667	590	2.077		
09	Ia Kdăm	4.219	4.094	125	1.860	1.735	125	2.359	2.359	-		

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022 (GỒM NĂM 2021 CHUYỂN SANG)

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung/địa bàn, đơn vị	Tổng số vốn năm 2022 (gồm năm 2021 chuyển sang) Ngân sách Trung ương	Năm 2022		Ghi chú
			Vốn năm 2021 (chuyển sang năm 2022)	Vốn năm 2022	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I=2+3</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
	Huyện Ia Pa	18.140	12.186	5.954	
I	Xã đạt chuẩn nông thôn mới	1.340	786	554	
1	Ia Mron	670	393	277	
2	Ia Tul	670	393	277	
II	Xã đạt 15-18 tiêu chí	2.032	786	1.246	
3	Kim Tân	2.032	786	1.246	
III	Xã đạt dưới 15 tiêu chí	5.333	1.179	4.154	
4	Ia Trok	2.667	590	2.077	
5	Chư Mố	2.667	590	2.077	
IV	Xã ĐBKK	9.434	9.434	0	
6	Chư Răng	2.359	2.359		
7	Pờ Tó	2.359	2.359		
8	Ia Broãi	2.359	2.359		
9	Ia Kdăm	2.359	2.359		
TỔNG CỘNG		18.140	12.186	5.954	

Bằng chữ: Mười tám tỷ một trăm bốn mươi triệu đồng.

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung/địa bàn, đơn vị	Tổng kinh phí thực hiện Chương trình năm 2022			Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết			Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch			Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình			
											Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN								
		Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:	
			NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP
		$I=2+3$	$2=5+8+11+14+17$	$3=6+9+12+15+18$	$4=5+6$	5	6	$7=8+9$	8	9	$10=11+12$	11	12	$13=14+15$	14	15	$16=17+18$	17	18
	Tổng cộng	23.882	18.778	5.104	3.630	2.590	1.040	10.840	7.070	3.770	7.959	7.959	-	1.053	759	294	400	400	-
a	Các đơn vị cấp huyện	11.528	7.678	3.850	0	0	0	10.840	7.070	3.770	0	0	0	288	208	80	400	400	-
01	Ban QLDA ĐTXD huyện	10.840	7.070	3.770				10.840	7.070	3.770									
02	Phòng Văn hoá và Thông tin	400	400	0				-									400	400	
03	Trung Tâm Văn hoá -Thông tin và Thể thao	288	208	80										288	208	80			
b	UBND các xã	12.354	11.100	1.254	3.630	2.590	1.040	-	-	-	7.959	7.959	-	765	551	214			
01	Pờ Tó	2.082	1.849	233	484	280	204				1493	1.493		105	76	29			
02	Chư Răng	1.788	1.667	121	220	120	100				1493	1.493		75	54	21			
03	Kim Tân	880	751	129	308	200	108				497	497		75	54	21			
04	Ia Mron	458	308	150	308	200	108				-	-		150	108	42			
05	Ia Trok	1.378	1.240	138	264	160	104				994	994		120	86	34			
06	Ia Broãi	2.042	1.921	121	489	385	104				1493	1.493		60	43	17			
07	Ia Tul	177	112	65	132	80	52				-	-		45	32	13			
08	Chư Mố	1.689	1.516	173	1.117	965	152				497	497		75	54	21			
09	Ia Kdăm	1.860	1.735	125	308	200	108				1492	1.492		60	43	17			

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS& MN NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung/địa bàn, đơn vị	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt																					
		Tổng số hộ	Tổng vốn	Trong đó		1. Hộ được hỗ trợ đất ở (40 trđ/hộ)		2.Hộ được hỗ trợ nhà ở (NSTW40 trđ/hộ, NSDP 4trđ/hộ)				3.Hộ được hỗ trợ đất sản xuất (22,5 trđ/hộ)		4. Công trình nước sinh hoạt tập trung (TB 3000 trđ/công trình)		1. Hộ được hỗ trợ đất ở (44 trđ/hộ)		2.Hộ được hỗ trợ nhà ở (44trđ/hộ)		3.Hộ được hỗ trợ đất sản xuất (22,5 trđ/hộ)		4. Công trình nước sinh hoạt tập trung (TB 3000 trđ/công trình)	
				NSTW	NSDP	Số lượng (hộ)	NSTW	Số lượng (hộ)	Tổng vốn	Trong đó		Số lượng (hộ)	NSTW	Số lượng (công trình)	NSTW	Số lượng (hộ)	NSDP	Số lượng (hộ)	NSDP	Số lượng (hộ)	NSDP	Số lượng (công trình)	NSDP
										NSTW	NSDP												
1	2	3=7+9+13+17+19+21	4=5+6	5=8+11+14+16	6=12+18+20+22+24	7	8=7*40trđ	9	10=11+12	11=9*40trđ	12=9*4trđ	13	14=11*22,5trđ	15	16=15*3.000trđ	17	18=17*44trđ	19	20=19*44trđ	21	22=21*22,5trđ	23	24
	Tổng cộng	104	3.630	2.590	1.040	-	-	40	1.760	1.600	160	44	990	-	-	-	-	20	880	-	-	-	-
01	Pờ Tô	11	484	280	204	-	-	7	308	280	28	-	-	-	-	-	-	4	176	-	-	-	-
02	Chư Răng	5	220	120	100	-	-	3	132	120	12	-	-	-	-	-	-	2	88	-	-	-	-
03	Kim Tân	7	308	200	108	-	-	5	220	200	20	-	-	-	-	-	-	2	88	-	-	-	-
04	Ia Mron	7	308	200	108	-	-	5	220	200	20	-	-	-	-	-	-	2	88	-	-	-	-
05	Ia Trok	6	264	160	104	-	-	4	176	160	16	-	-	-	-	-	-	2	88	-	-	-	-
06	Ia Broãi	16	489	385	104	-	-	4	176	160	16	10	225	-	-	-	-	2	88	-	-	-	-
07	Ia Tul	3	132	80	52	-	-	2	88	80	8	-	-	-	-	-	-	1	44	-	-	-	-
08	Chư Mố	42	1.117	965	152	-	-	5	220	200	20	34	765	-	-	-	-	3	132	-	-	-	-
09	Ia Kdăm	7	308	200	108	-	-	5	220	200	20	-	-	-	-	-	-	2	88	-	-	-	-

Ghi chú:

1/Đối với các hộ được hỗ trợ nhà ở định mức hỗ trợ 44 triệu đồng/hộ: Tuy nhiên theo bảng phân bổ này vốn ngân sách Trung ương chỉ phân bổ 40 triệu đồng/hộ: cụ thể (40 hộ X 40 triệu đồng/hộ = 1.600 triệu đồng) + (vốn ngân sách địa phương hỗ trợ 40 hộ X 4 triệu đồng/hộ = 160 triệu đồng); Vốn ngân sách địa phương hỗ trợ 20 hộ X 44 triệu đồng/hộ = 880 triệu đồng; Tổng ngân sách địa phương phân bổ: 160 triệu đồng + 880 triệu đồng = 1.040 triệu đồng; Vay vốn từ Ngân hàng chính sách xã hội không vượt quá 40 triệu đồng/hộ, thời hạn vay tối đa là 15 năm, lãi suất cho vay bằng 3%/năm).

2/Hộ được hỗ trợ đất sản xuất, thực hiện theo hình thức hộ tự liên hệ mua đất sản xuất từ người thân hoặc trong cộng đồng, với định mức (vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ 22,5 triệu đồng/hộ; vay vốn từ Ngân hàng chính sách xã hội thỏa thuận nhưng không vượt quá 77,5 triệu đồng/hộ, thời hạn vay tối đa là 10 năm, lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ)

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS& MN NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung/địa bàn, đơn vị	Tổng cộng dự án			Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở nhưng nơi cần thiết (Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư xã Pờ Tó)			Dự án 4, Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng ĐB DTTS và MN			Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch (1)			Dự án 10, Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế- xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng ĐB DTTS&MN			Ghi chú
		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		
			NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	
1	2	3=4+5	4=7+10+13+16	5=8+11+14+17	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11	12=13+14	13	14	15=16+17	16	17	
	Tổng cộng I+II	20.252	16.188	4.064	10.840	7.070	3.770	7.959	7.959	-	1.053	759	294	400	400	-	
I	Các đơn vị cấp huyện	11.528	7.678	3.850	10.840	7.070	3.770	-	-	-	288	208	80	400	400	-	
01	Ban QLDA ĐT XD huyện	10.840	7.070	3.770	10.840	7.070	3.770	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
02	Phòng Văn hóa và Thông tin	400	400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	400	400	-	
03	Trung Tâm Văn hoá -Thông tin và thể thao	288	208	80							288	208	80				Thực hiện tiêu chí 2
II	UBND các xã	8.724	8.510	214	-	-	-	7.959	7.959	-	765	551	214	-	-	-	
01	Pờ Tó	1.598	1.569	29	-	-	-	1.493	1.493	-	105	76	29	-	-	-	Tiêu chí 3
02	Chư Răng	1.568	1.547	21	-	-	-	1.493	1.493	-	75	54	21	-	-	-	Tiêu chí 3
03	Kim Tân	572	551	21	-	-	-	497	497	-	75	54	21	-	-	-	Tiêu chí 3
04	Ia Mron	150	108	42	-	-	-	-	-	-	150	108	42	-	-	-	Tiêu chí 3
05	Ia Trok	1.114	1.080	34	-	-	-	994	994	-	120	86	34	-	-	-	Tiêu chí 3
06	Ia Broãi	1.553	1.536	17	-	-	-	1.493	1.493	-	60	43	17	-	-	-	Tiêu chí 3
07	Ia Tul	45	32	13	-	-	-	-	-	-	45	32	13	-	-	-	Tiêu chí 3
08	Chư Mố	572	551	21	-	-	-	497	497	-	75	54	21	-	-	-	Tiêu chí 3
09	Ia Kdăm	1.552	1.535	17	-	-	-	1.492	1.492	-	60	43	17	-	-	-	Tiêu chí 3

Ghi chú:

-(1) Dự án 6: phân bổ chi tiết theo Phụ lục 06

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS& MN NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung/địa bàn, đơn vị	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch														
		Tổng cộng			1. Tiêu chí Hỗ trợ đầu tư xây dựng cho mỗi một điểm đến du lịch tiêu biểu 7đ			2. Tiêu chí Hỗ trợ đầu tư bảo tồn mỗi một thôn, làng truyền thống tiêu biểu của các DTTS 60đ			3. Tiêu chí Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN (2đ/thôn)			4. Tiêu chí Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các DTTS, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch (60đ/mô hình)		
		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó	
NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP			
Tổng cộng (I)+(II)		1.053	759	294	-	-	-	288	208	80	765	551	214	-	-	-
I	Đơn vị cấp huyện	288	208	80	-	-	-	288	208	80	-	-	-	-	-	-
	Trung Tâm Văn hóa- Thông tin và Thể thao	288	208	80				288	208	80						
II	UBND các xã	765	551	214	-	-	-	-	-	-	765	551	214	-	-	-
01	Pờ Tó	105	76	29	-			-			105	76	29	-		
02	Chư Răng	75	54	21	-			-			75	54	21	-		
03	Kim Tân	75	54	21	-			-			75	54	21	-		
04	Ia Mơn	150	108	42	-			-			150	108	42	-		
05	Ia Trok	120	86	34	-			-			120	86	34	-		
06	Ia Broãi	60	43	17	-			-			60	43	17	-		
07	Ia Tul	45	32	13	-			-			45	32	13	-		
08	Chư Mố	75	54	21	-			-			75	54	21	-		
09	Ia Kdăm	60	43	17	-			-			60	43	17	-		